

**CÔNG TY TNHH DIVAGO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DIVAGO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIVAGO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DIVAGO CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301207883

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường An Dương Vương, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0946181093

Fax:

Email: [info@divago.vn](mailto:info@divago.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652     |
| 3.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8531     |
| 4.  | Đào tạo trung cấp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8532     |
| 5.  | Đào tạo cao đẳng<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8533     |
| 6.  | Đào tạo đại học<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8541     |
| 7.  | Đào tạo thạc sỹ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8542     |
| 8.  | Đào tạo tiến sỹ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8543     |
| 9.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8551     |
| 10. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8552     |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính | 8559     |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6201     |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6202     |
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6209     |

|     |                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                          | 6311        |
| 16. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                   | 6312        |
| 17. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>(Trừ hoạt động kiểm toán)                                                                                   | 6920        |
| 18. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                  | 2610        |
| 19. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                   | 2620        |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(không hoạt động tại trụ sở)<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê | 5510        |
| 21. | Cơ sở lưu trú khác<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                          | 5590        |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                            | 5610        |
| 23. | Xuất bản phần mềm<br>(loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                     | 5820        |
| 24. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                              | 7911(Chính) |
| 25. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                       | 7912        |
| 26. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                         | 7990        |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4741        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 125460047

Ngày cấp: 02/10/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Đội 6, Thôn Nghiêm Xá, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 6, Thôn Nghiêm Xá, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh